

STT	Chức danh	Số thôn, tổ dân phố hiện nay	Số lượng hiện có mặt (không tính kiêm nhiệm)	Đối với thôn		Đối với TDP		Thôn từ 700 hộ gia đình trở lên	Thôn từ 400 hộ gia đình trở lên	TDP từ 1000 hộ gia đình trở lên	TDP từ 550 hộ gia đình trở lên	Thôn/TDP còn lại	Đối với thôn			Đối với TDP		
				Thôn từ 350 hộ gia đình trở lên	Thôn còn lại	TDP từ 500 hộ trở lên	TDP còn lại						Thôn từ 700 hộ gia đình trở lên	Thôn từ 400 hộ gia đình trở lên	Thôn còn lại	TDP từ 1000 hộ gia đình trở lên	TDP từ 550 hộ gia đình trở lên	TDP còn lại
				5	6	7	8						9	10	11	12	13	14
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
2	Chi hội trưởng Phụ nữ ở thôn, tổ dân phố		13	6 triệu đồng/tổ chức/năm	triệu đồng/tổ chức/năm	6 triệu đồng/tổ chức/năm	4,5 triệu đồng/tổ chức/năm						10 triệu đồng/tổ chức/năm	7,5 triệu đồng/tổ chức/năm				
3	Chi hội trưởng Nông dân ở thôn, tổ dân phố		5															
4	Bí thư Chi đoàn thanh niên ở thôn, tổ dân phố		13															

Ghi chú:

(1) Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định chức danh, mức phụ cấp, mức hỗ trợ đối với người hoạt động không chuyên trách và mức khoán kinh phí hoạt động các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, ở thôn, khu dân cư trên địa bàn tỉnh;

(2) Nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố và kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của HĐND thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 15/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của hội đồng nhân dân thành phố.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG**

**PHỤ LỤC 2 - dùng chung cho ban, sở, ngành, xã, phường, đặc khu
ĐỀ XUẤT BỔ SUNG CÁC CHỨC DANH VÀ MỨC PHỤ HẰNG THÁNG CẤP
ĐỐI VỚI NGƯỜI THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ**

(Không bao gồm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP và các chức danh người tham gia hoạt động trực tiếp tại thôn, tổ dân phố đã nêu tại Phụ lục 01)

STT	Các chức danh đề xuất bổ sung	Đề xuất mức phụ cấp hàng tháng đối với các chức danh người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố (đề xuất bổ sung)						Ghi chú
		Đối với thôn			Đối với TDP			
		<i>Thôn từ 700 hộ gia đình trở lên</i>	<i>Thôn từ 400 hộ gia đình trở lên</i>	<i>Thôn còn lại</i>	<i>TDP từ 1000 hộ gia đình trở lên</i>	<i>TDP từ 550 hộ gia đình trở lên</i>	<i>TDP còn lại</i>	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>10</i>
1	Tổ trưởng Tổ an ninh trật tự cơ sở	0.5	0.3					
2	Tổ phó Tổ an ninh trật tự cơ sở	0.5	0.3					
3	Thành viên Tổ an ninh trật tự cơ sở	0.5	0.3					